

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2019/HS-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Bình.
Các Hội thẩm Nhân dân: - Ông Bùi Thanh Bình;

- Bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tuấn - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 56/2019/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Đăng T, sinh ngày 25/7/1992, tại Vinh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng T và bà Nguyễn Thị C; vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Anh Đào Xuân Á, sinh năm 1990; trú tại: Số nhà 1, ngõ 1, đường N, phường K, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; trú tại: Tổ dân phố 3, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với anh Đào Xuân Á (là chủ cửa hàng mua bán ô tô, xe máy) ở số nhà 8, ngõ 1, đường N, phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc nên khoảng tháng 11/2017 Nguyễn Đăng T đến làm thuê tại cửa hàng của anh Á. Khoảng cuối tháng 9/2018, anh Á mua xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS: 88G1 - 117.88 làm phương tiện đi lại phục vụ công việc tại cửa hàng, đồng thời giao xe máy cùng giấy tờ trên xe cho T sử dụng. Ngày 07/10/2018, T điều khiển xe máy, BKS: 88G1 - 117.88 đi giải quyết công việc cho cửa hàng tại khu vực thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch. Sau khi giải quyết công việc xong, T không đem xe về trả cho cửa hàng mà đi xe về nhà. Ngày 08/10/2018, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định đi

cầm cố xe máy của anh Á lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe máy BKS: 88G1 - 117.88 đến gặp anh Nguyễn Văn Đ, trú tại tổ dân phố Vĩnh Thịnh 3, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên đang làm thuê tại cửa hàng cầm đồ Nhất Tín tại số nhà 49, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên đặt vấn đề cầm cố xe máy trên. Tại đây, anh Đ hỏi về nguồn gốc xe máy thì T nói là xe của T nhưng chưa sang tên đổi chủ. Sau khi xem xe và giấy đăng ký xe, anh Đ đồng ý nhận cầm cố xe máy của T là 7.000.000đ, thời hạn 10 ngày từ ngày 08/10/2018 đến ngày 17/10/2018, không thỏa thuận gì về lãi suất. Sau đó, anh Đ đưa cho T 01 mẫu giấy vay tiền để T viết theo mẫu rồi đưa lại cho Đ cùng xe máy để làm tin, còn anh Đ đưa cho T số tiền 7.000.000đ. Sau khi cầm cố T đã dùng số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết và vẫn đi làm bình thường tại cửa hàng của anh Á. Ngày 12 và 13/10/2018, anh Ánh có việc cần sử dụng đến xe máy thì không thấy xe máy ở cửa hàng nên hỏi T thì T nói dối là cho bạn mượn xe máy và chưa trả lại xe. Sau nhiều lần anh Ánh đòi xe nhưng T không trả. Thấy không có khả năng chuộc lại xe máy để trả cho anh Á nên ngày 18/10/2018 T tự ý nghỉ việc tại cửa hàng và bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi T nghỉ việc, anh Á nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà tìm gặp T để lấy lại xe máy nhưng không được. Nghi ngờ T đã cầm cố xe máy nên anh Ánh đã chủ động đi tìm, đến ngày 22/10/2018 thì phát hiện xe máy BKS: 88G1 - 117.88 của anh Á đang bị cầm cố ở quán cầm đồ Nhất Tín nên anh Á đã chuộc lại xe máy rồi đến Công an phường Khai Quang trình báo toàn bộ sự việc. Đồng thời anh Á tự nguyện giao nộp cho Công an 01 xe máy BKS: 88G1 - 117.88, 01 đăng ký xe máy, 01 giấy vay tiền do T viết và 01 giấy mua bán xe máy (bản photocopy).

Tại Kết luận định giá tài sản số 199/KL-HĐĐG ngày 12/11/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: *“01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS: 88G1 - 117.88, màu sơn trắng xanh. Số khung: C6408Y070614. Số máy: 5C64070614, xe đã qua sử dụng, trị giá 7.000.000đ”*.

Tại kết luận giám định số 135/KLGD ngày 19/01/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) trừ chữ ký, chữ viết có nội dung “Nguyễn Văn Đ”, dưới mục: “Người cho vay, so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đăng T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người ký, viết ra”*.

Tại Cáo trạng số: 52/CT-VKSTPVY ngày 06/4/2019, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Đăng T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đăng T vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại anh Đào Xuân Á vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng nêu trên. Anh Á xác định đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, đã nhận đủ số tiền bồi thường 7.000.000đ từ bị cáo T, nay không yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Đào Xuân Á 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS: 88G1 - 117.88 cùng đăng ký xe là hợp pháp; xác nhận bị cáo Nguyễn Đăng T đã bồi thường cho anh Á số tiền 1.000.000đ.

Bị cáo không có bào chữa và tranh luận bổ sung gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Đăng T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 07/10/2018, tại số nhà 86, ngõ 8, đường N, phường K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng việc được anh Đào Xuân Á tin tưởng giao xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 88G1 - 11788 để sử dụng, ngày 08/10/2018 bị cáo Nguyễn Đăng T đã có hành vi chiếm đoạt bằng hình thức đem chiếc xe máy nêu trên đi cầm cố cho anh Nguyễn Văn Đ lấy số tiền 7.000.000đ, sau đó tiêu xài cá nhân hết và không có khả năng trả lại tài sản; trị giá chiếc xe máy bị chiếm đoạt là 7.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đăng T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì T hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự nhưng hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, tổng số tiền chiếm đoạt là 7.000.000đ. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà mình đã gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng” để giảm nhẹ một phần hình phạt theo qui định tại điểm b, điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy: Bị cáo nhất thời nên phạm tội, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào, việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là chưa cần thiết, cần cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Đây là cơ hội để bị cáo sửa chữa lỗi lầm và phấn đấu trở thành công dân tốt.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và công việc ổn định, điều kiện kinh tế hoàn cảnh còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với Nguyễn Văn Đ khi nhận cầm cố xe máy không biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy Cơ quan điều tra đã thu giữ và trao trả lại cho người bị hại, nay người bị hại không yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm b, điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Đăng T cho Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Hương Sơn, BX;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thế Bình